

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 24/5/2023.

V/v: “*Tranh chấp về tài sản sau ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

2. Ông Trương Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về tài sản sau ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim D - Sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp AQ, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn N - Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp LQ, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Ông Phạm Hữu T - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp AQ, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị Kim D và ông Phạm Hữu T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 314/2019/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tại thời điểm ly hôn ông bà tự thỏa thuận về tài sản mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông bà không thỏa thuận được về tài sản và bà Trần Thị Kim D yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản giữa ông bà như sau:

Thửa đất số 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có diện tích qua đo đạc thực tế là 3.778,4m², phần đất này có nguồn gốc là cha mẹ chồng cho năm 2007. Trên đất có công trình ông bà xây dựng gồm: Nhà chính, nhà phụ, nhà tắm, hồ nước, sân bê tông. Tổng giá trị công trình theo kết quả định giá là: 173.138.157đồng.

Do đây là tài sản chung nên bà D yêu cầu ông T giao lại cho chị 1/2 diện tích đất là 1.889,2m² (phần đất không có công trình). Đối với công trình trên đất thì ông T tiếp tục sử dụng nhưng phải trả lại cho chị D 1/2 giá trị là 86.569.000đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T giao lại 1.000m² trong phần đất nói trên và số tiền 50.000.000đồng giá trị công trình trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Thửa đất số 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre qua đo đạc có diện tích là 3.778,4m² có nguồn gốc là cha mẹ cho ông và bà D cùng đứng tên. Mặc dù cùng đứng tên đất nhưng ông là người quản lý, canh tác đất, bà D chỉ nội trợ, lo việc nhà chứ không canh tác đất.

Ông chỉ đồng ý chia cho chị D 1.000m² đất nhưng là chia giá trị bằng tiền. Về giá đất là theo giá mà bà D kê khai trong đơn khởi kiện là 100.000đồng/m². Đối với căn nhà và các công trình khác thì do ông và bà D xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Nên ông đồng ý thối lại cho bà D 1/2 giá trị.

Ngoài ra khi ông và bà D ly hôn thì bà D có đem đi 01 bộ vòng ximen bằng vàng 18kra, trọng lượng 9 chỉ. Khi còn sống chung ông bà có nợ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị C 05 chỉ vàng 24kra và 9.000.000đồng. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chợ Lách số tiền 60.000.000đồng. Hiện nay ông đã trả

xong các khoản nợ này. Ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà D chia đôi tài sản và các khoản nợ này với ông.

Tại phiên tòa, ông đồng ý giao lại cho bà D phần diện tích đất 1.000m² thuộc thửa 71 nói trên. Do không có tiền để giao giá trị nên ông đồng ý giao đất.

Các đương sự thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản đối với phần đất tranh chấp mà không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá lại.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

Ghi nhận việc ông T đồng ý giao cho bà D phần đất có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do bà D và ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông T tiếp tục canh tác, quản lý đất và toàn bộ tài sản (côn trồng, công trình) trên phần đất có diện tích 2.778,4m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do bà D và ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận việc các đương sự thống nhất việc ông T giao lại cho bà D giá trị công trình với số tiền là 50.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tài sản tranh chấp:* Các đương sự tranh chấp đối với phần đất và tài sản thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ

Lách, tỉnh Bến Tre qua đo đạc có diện tích 3.778,4m² do ông Phạm Hữu T và bà Trần Thị Kim D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về tài sản trên đất:

Nhà chính: khung bê tông, cốt thép, tường xây gạch, có giá trị 155.059.190đồng.

Nhà phụ: Khung gỗ, nền lát gạch tàu, mái tôn, có giá trị: 5.112.850đồng.

Nhà tắm: tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, mái tôn, có giá trị 2.613.352đồng.

Hồ nước: thành xây gạch, có giá trị 2.467.440đồng.

Sân bê tông, diện tích 100,45m² có giá trị 7.885.325đồng.

Tổng giá trị công trình là: 173.138.157đồng.

Về cây trồng: Trên đất có trồng dừa, xoài, sầu riêng, vú sữa mỗi loại 1 - 2 cây trồng xung quanh nhà, phần đất còn lại là đất cấy cây sầu riêng con (tại thời điểm ngày 22/9/2022 thì cây sầu riêng con được 03 tháng tuổi).

Về giá đất: 350.000đồng/m² (bao gồm hoa lợi trên đất).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự tranh chấp đối với phần đất và tài sản thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre qua đo đạc có diện tích 3.778,4m².

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất việc ông T đồng ý giao cho bà D 1.000m² trong phần đất này (phần đất không có công trình và giáp với các thửa 47, 48, đường liên xã). Ông T nhận 2.778,4m² còn lại (phần đất có công trình). Xét thấy, sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện nên ghi nhận.

Phần đất này hiện tại đang cấy cây Sầu riêng con làm gốc ghép, hiện tại được 11 tháng. Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý để ông T tiếp tục canh tác phần đất này trong 15 tháng tiếp theo để có thời gian thu hoạch cây ghép.

[3.2] Đối với công trình trên đất: Tổng giá trị công trình là 173.138.157đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất ông Thịnh tiếp tục quản lý, sử dụng và trả lại cho nguyên đơn 1/2 giá trị. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông T trả lại số tiền giá trị công trình là 50.000.000đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét đến việc khi ly hôn nguyên đơn giữ tài sản chung là 01 bộ vòng ximen bằng vàng 18kra, trọng lượng 9 chỉ và bị đơn trả nợ chung cho mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Chín 05 chỉ vàng 24kra, 9.000.000đồng, trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn

huyện Chợ Lách số tiền 60.000.000đồng. Do bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và không làm đơn phản tố nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có yêu cầu thì ông T có quyền làm đơn khởi kiện trong vụ kiện khác.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định, cụ thể:

Giá trị tài sản nguyên đơn nhận là 350.000.000đồng giá trị đất và 50.000.000đồng giá trị nhà, tổng cộng là 400.000.000đồng nên phải nộp 20.000.000đồng tiền án phí.

Giá trị tài sản bị đơn nhận là 972.440.000đồng giá trị đất và 123.138.157đồng giá trị nhà, tổng cộng là 1.095.578.157đồng nên phải nộp 44.867.000đồng tiền án phí.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định, thu thập chứng cứ là 7.007.000đồng. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi chi phí này nhưng phía bị đơn không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, do nguyên đơn và bị đơn đều được nhận tài sản và nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại $\frac{1}{2}$ chi phí này. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Do vậy, cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 3.503.500đồng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Các điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Ông Phạm Hữu T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất (cây trồng, nhà,...) đối với phần đất có diện tích là 2.778,4m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, hiện tại phần đất này do bà Trần Thị Kim D và ông Phạm Hữu

T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (phần đất có họa đồ kèm theo).

1.2 Ghi nhận việc ông Phạm Hữu T đồng ý giao cho bà Trần Thị Kim D phần đất có diện tích là 1.000m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp An Quy, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, hiện tại phần đất này do bà Trần Thị Kim D và ông Phạm Hữu T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (phần đất có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận việc các bên đồng ý để ông T tiếp tục canh tác phần đất này (cây sầu riêng con) trong thời gian 15 tháng tiếp theo (canh tác đến hết ngày 24/8/2024). Sau thời gian này ông T có trách nhiệm giao phần đất nói trên cho bà D.

Ông T, bà D được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà mình được nhận cho phù hợp với nội dung bản án đã tuyên.

1.3 Buộc ông Phạm Hữu T phải giao lại cho bà Trần Thị Kim D giá trị nhà, công trình là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim D phải nộp 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản được nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.244.500đồng (sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006984 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn phải nộp tiếp 13.755.500đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí.

Ông Phạm Hữu T phải nộp 44.867.000đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí đối với giá trị tài sản được nhận.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Hữu T phải trả lại cho bà Trần Thị Kim D chi phí tố tụng là 3.503.500đồng (ba triệu năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú